



Phụ lục 9.2

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2020 CÁC DỰ ÁN XÂY DỰNG CƠ BẢN TẬP TRUNG CẤP THÀNH PHỐ

(Kèm theo nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 của HĐND thành phố Hà Nội)

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết 2015	Lũy kế bổ trí vốn từ 2016 đến hết kế hoạch 2019		Kế hoạch vốn năm 2020	Công trình hoàn thành	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT		Tổng số	Trong đó kế hoạch vốn năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	TỔNG SỐ	10	125	72					132.566.757	7.640.867	32.496.594	10.294.449	11.672.487	108		
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	7	13	1					88.236.829	7.260.216	21.422.180	4.767.282	3.541.892	4		
	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016	2	7						6.271.807	301.706	3.757.511	305.964	344.869	4		
	Dự án chuyển tiếp từ 2017-2019	1	80	12					30.936.625	78.945	7.316.903	5.221.203	5.934.500	51		
	Dự án khởi công mới năm 2020		25	59					7.121.496				1.851.226	49		
I	Lĩnh vực giáo dục đào tạo và dạy nghề		9	3					1.401.416		65.000	132.000	341.426	3		
<i>a</i>	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2019		3						354.765		65.000	132.000	133.000	3		
1	Xây dựng mới Trường THPT Nguyễn Văn Trỗi, huyện Chương Mỹ		1		Chương Mỹ	2013-2020	2025 học sinh	5013/QĐ-UBND 31/10/2012; 745/QĐ-UBND 14/02/2019	183.866		50.000	50.000	70.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
2	Xây dựng Trường THPT Thường Tín, huyện Thường Tín ở vị trí mới		1		Thường Tín	2019-2020	24 phòng học và 8 phòng bộ môn	5976/QĐ-UBND 31/10/2018	106.900			67.000	23.000	1	UBND huyện Thường Tín	

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết 2015	Lũy kế bố trí vốn từ 2016 đến hết kế hoạch 2019		Kế hoạch vốn năm 2020	Công trình hoàn thành	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT		Tổng số	Trong đó kế hoạch vốn năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
3	Xây dựng, cải tạo trường THPT Trương Định, quận Hoàng Mai		1		Hoàng Mai	2019-2020	24 phòng học, 6 phòng bộ môn	3836/QĐ-UBND; ngày 16/7/2019	63.999		15.000	15.000	40.000	1	BQLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp	
b	Dự án khởi công mới năm 2020		6	3					1.046.651				208.426			
1	Cải tạo, nâng cấp trường THPT Đông Anh, huyện Đông Anh		1		Đông Anh	2018-2020	25 phòng lý thuyết, 7 phòng bộ môn	6013/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	51.597				16.000		BQLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp	
2	Xây dựng, cải tạo Trường Trung học phổ thông Phúc Thọ, huyện Phúc Thọ		1		Phúc Thọ	2019-2021	DT XD: 10.336,1m2.	6130/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	62.860				20.000		UBND huyện Phúc Thọ	
3	Xây dựng trường THPT Thọ Xuân, huyện Đan Phượng		1		Đan Phượng	2019-2021	Xây dựng mới 24 phòng học lý thuyết, 4 phòng bộ môn và các công trình phụ trợ	6053/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	111.970				20.000		UBND huyện Đan Phượng	
4	Xây dựng, mở rộng trường THPT Kim Anh			1	Sóc Sơn	2019-2020	DT: 2.357m2.	6117/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	44.900				14.000		UBND huyện Sóc Sơn	

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết 2015	Lũy kế bố trí vốn từ 2016 đến hết kế hoạch 2019		Kế hoạch vốn năm 2020	Công trình hoàn thành	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT		Tổng số	Trong đó kế hoạch vốn năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
5	Cải tạo, nâng cấp trường trung học phổ thông Mê Linh, huyện Mê Linh		1		Mê Linh	2019-2021	Xây mới 45 phòng học, 10 phòng bộ môn và các công trình phụ trợ	6110/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	89.050				20.000		UBND huyện Mê Linh	
6	Cải tạo, nâng cấp trường trung học phổ thông Tiến Thịnh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội			1	Mê Linh	2020-2021	Xây mới, cải tạo 8 phòng bộ môn, 30 phòng học, và các công trình phụ trợ	6109/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	44.939				19.000		UBND huyện Mê Linh	
7	Xây dựng, cải tạo trường THPT Yên Lãng, huyện Mê Linh			1	Mê Linh	2019-2020	DTXD: 3.971,3m2	6118/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	42.475				13.000		BQLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp	
8	Dự án thành phần 5 - Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội thuộc dự án "Tăng cường lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp" sử dụng vốn vay ODA của Chính Phủ Nhật Bản		1		Đông Đa	2020-2022		QĐ số 1432/QĐ-TTg ngày 21/9/2017 của Thủ tướng QĐ 1542/QĐ-LĐTBXH ngày 06/11/2018 phê duyệt dự án; 5544/QĐ-UBND ngày 07/10/2019	289.752				41.233		Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội	
	Vốn ODA cấp phát								223.336							
	Vốn ODA vay lại								24.818				16.493			
	Vốn trong nước								41.598				24.740			

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết 2015	Lũy kế bổ trí vốn từ 2016 đến hết kế hoạch 2019		Kế hoạch vốn năm 2020	Công trình hoàn thành	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT		Tổng số	Trong đó kế hoạch vốn năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
9	Dự án thành phần 4 - Trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội thuộc dự án "Tăng cường lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp" sử dụng vốn vay ODA của Chính Phủ Nhật Bản		1		Nam Từ Liêm	2020-2022		QĐ số 1432/QĐ-TTg ngày 21/9/2017 QĐ 1542/QĐ-LĐTBXH ngày 06/11/2018; 5545/QĐ-UBND ngày 07/10/2019	309.108				45.193		Trường Cao đẳng nghề Công nghệ cao Hà Nội	
	Vốn ODA cấp phát								237.933							
	Vốn ODA vay lại								26.437				18.077			
	Vốn trong nước								44.738				27.116			
II	Lĩnh vực quốc phòng		3						375.000		150.000	150.000	166.000	2		
a	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2019		2						320.000		150.000	150.000	143.000	2		
1	Mua sắm trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn, cứu sập đổ công trình cho Đại đội PCCC, phòng hóa/ Bộ Tham mưu và Tiểu đoàn 5/Trung đoàn 692/ Sư đoàn BB301/BTL Thủ đô		1		Hà Nội	2019-2020	25 loại trang thiết bị	5902/QĐ-UBND 30/10/2018	220.000		110.000	110.000	88.000	1	Bộ Tư lệnh Thủ đô HN	
2	Tổng trạm thông tin Sô chỉ huy thống nhất số 02 thành phố Hà Nội (Mặt danh: STN.02.4)		1		Mỹ Đức	2019-2020	23.7 ha	403/QĐ-UBND 10/12/2018	100.000		40.000	40.000	55.000	1	Bộ Tư lệnh Thủ đô HN	
b	Dự án khởi công mới năm 2020		1						55.000				23.000			
1	Doanh trại Ban chỉ huy Quân sự quận Bắc Từ Liêm		1		Bắc Từ Liêm	2020-2021	7.900m2	4889/QĐ-BQP ngày 30/10/2019	55.000				23.000		Bộ Tư lệnh Thủ đô HN	
III	Lĩnh vực an ninh		11	1					1.270.121		502.222	502.222	581.000	12		

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết 2015	Lũy kế bổ tri vốn từ 2016 đến hết kế hoạch 2019		Kế hoạch vốn năm 2020	Công trình hoàn thành	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT		Tổng số	Trong đó kế hoạch vốn năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
a	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2019		11	1					1.270.121		502.222	502.222	581.000	12		
1	Xây dựng trụ sở làm việc Công an huyện Ba Vì thuộc Công an thành phố Hà Nội		1		Ba Vì	2018-2020	4395m2 Xd+TB+HTK T	5365/QĐ-UBND 08/10/2018	59.296		25.000	25.000	25.000	1	Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	
2	Xây dựng lại nhà B công an thành phố Hà Nội		1		Hoàn Kiếm	2018-2020	03 tầng hầm, 08 tầng nổi	5209/QĐ-UBND 28/9/2018	173.157		75.000	75.000	45.000	1	Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	
3	Xây dựng trụ sở làm việc Công an huyện Thanh Oai thuộc Công an thành phố Hà Nội		1		Thanh Oai	2018-2020	0,6 ha	5753/QĐ-UBND 25/10/2018	53.398		30.000	30.000	15.000	1	Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	
4	Xây dựng trụ sở làm việc Công an quận Bắc Từ Liêm thuộc Công an thành phố Hà Nội		1		Bắc Từ Liêm	2018-2020	7.899m2+TB	6003/QĐ-UBND 31/10/2018	81.523		40.000	40.000	30.000	1	Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	
5	Xây dựng trụ sở làm việc Công an quận Hà Đông thuộc Công an thành phố Hà Nội		1		Hà Đông	2018-2020	7.651m2+TB	5997/QĐ-UBND 31/10/2018	85.636		40.000	40.000	35.000	1	Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	
6	Xây dựng trụ sở làm việc Công an huyện Phú Xuyên thuộc Công an thành phố Hà Nội		1		Phú Xuyên	2018-2020	8290m2+TB	5993/QĐ-UBND 31/10/2018	82.210		40.000	40.000	35.000	1	Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết 2015	Lũy kế bố trí vốn từ 2016 đến hết kế hoạch 2019		Kế hoạch vốn năm 2020	Công trình hoàn thành	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT		Tổng số	Trong đó kế hoạch vốn năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
7	Xây dựng trụ sở làm việc Công an huyện Quốc Oai thuộc Công an thành phố Hà Nội			1	Quốc Oai	2018-2020	155 CBCS	5994/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	36.808		16.000	16.000	12.000	1	Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	
8	Xây dựng trụ sở làm việc Công an huyện Đan Phượng thuộc Công an thành phố Hà Nội		1		Đan Phượng	2018-2020	5296m2	6005/QĐ-UBND 31/10/2018	98.501		65.000	65.000	25.000	1	Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	
9	Xây dựng trụ sở Cảnh sát Phòng cháy Chữa cháy số 7 (Thanh Trì) thuộc Công an thành phố Hà Nội		1		Thanh Trì	2018-2020.	Công trình dân dụng cấp III	5388/QĐ-UBND 9/10/2018	52.548		21.222	21.222	25.000	1	Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	
10	Xây dựng trụ sở Đội cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy số 11 (Gia Lâm) thuộc Công an thành phố Hà Nội		1		Gia Lâm	2018-2020	7.358 m2	6017/QĐ-UBND 31/10/2018	47.828		20.000	20.000	20.000	1	Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	
11	Xây dựng trụ sở Phòng cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy số 14 (Thạch Thất) thuộc Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy Hà Nội		1		Thạch Thất	2019-2020.	10.000 m2	6014/QĐ-UBND 31/10/2018	52.443		30.000	30.000	14.000	1	Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	
12	Đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị PC&CC, cứu hộ, cứu nạn cho lực lượng cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy thành phố Hà Nội		1		Hà Nội	2019-2020	Mua sắm thiết bị	5968/QĐ-UBND 31/10/2018	446.773		100.000	100.000	300.000	1	Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết 2015	Lũy kế bổ tri vốn từ 2016 đến hết kế hoạch 2019		Kế hoạch vốn năm 2020	Công trình hoàn thành	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT		Tổng số	Trong đó kế hoạch vốn năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
IV	Lĩnh vực y tế		5						2.881.544	93.859	757.450	432.000	250.000			
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015		2						1.324.954	83.818	364.450	141.000	100.000			
1	Mở rộng và Nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì đạt tiêu chuẩn Bệnh viện hạng II		1		Ba Vì	2012-2019	300 giường	5084/QĐ-UBND 31/10/2011; 5988/QĐ-UBND 25/8/2017; 5732/QĐ-UBND 24/10/2018	640.468	80.242	312.000	140.000	50.000		Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	
2	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Thường Tín		1		Thường Tín	2019-2021	300 giường	5060/QĐ-UBND ngày 28/10/2011; 6745/QĐ-UBND ngày 22/11/2019	684.486	3.576	52.450	1.000	50.000		Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	
b	Dự án chuyển tiếp từ năm 2016		1						784.433	10.041	103.000	1.000	50.000			
1	Công trình trọng điểm 2016-2020: Đầu tư xây dựng Bệnh viện Nhi Hà Nội - giai đoạn I		1		Hà Đông	2016-2020	200 giường	4908/QĐ-UBND 30/9/2015	784.433	10.041	103.000	1.000	50.000		Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	
c	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2019		2						772.157		290.000	290.000	100.000			

Đơn vị: Triệu đồng.

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết 2015	Lũy kế bố trí vốn từ 2016 đến hết kế hoạch 2019		Kế hoạch vốn năm 2020	Công trình hoàn thành	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT		Tổng số	Trong đó kế hoạch vốn năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Cải tạo Bệnh viện đa khoa Hà Đông		1		Hà Đông	2019-2023	Cải tạo Nhà, khu kỹ thuật nghiệp vụ	6023/QĐ-UBND 31/10/2018	303.165		130.000	130.000	50.000		Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	
2	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện đa khoa Sơn Tây		1		Sơn Tây	2019-2023	440 giường	6024/QĐ-UBND 31/10/2018	468.992		160.000	160.000	50.000		Ban QLDAĐT XD công trình Văn hóa - Xã hội TP Hà Nội	
V	Lĩnh vực văn hóa thông tin	1	2						1.114.157	281.961	226.045	11.000	131.000			
a	Dự án chuyển tiếp năm 2016	1	1						1.015.603	281.961	226.045	11.000	111.000			
1	Công trình trọng điểm 2016-2020: Chinh trang mặt bằng do Bộ Quốc phòng và hai hộ gia đình lão thành cách mạng bàn giao thuộc di tích Hoàng thành Thăng Long	1			Ba Đình	2019-2021	5,78ha	5079/QĐ-UBND 02/10/2014; 6069/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	226.599	3.252	73.980	10.000	21.000		Trung tâm bảo tồn di sản Thăng Long - Hà Nội	
2	Công trình trọng điểm 2016-2020: Bảo tàng Hà Nội (Nội dung trưng bày)		1		Nam Từ Liêm	2016-2019	54.150 m2	1424/QĐ-UBND 21/4/2008; 5099/QĐ-UBND 07/11/2012	789.004	278.709	152.065	1.000	90.000		Bảo tàng Hà Nội	
b	Dự án khởi công mới năm 2020		1						98.554				20.000			
1	Chuyển đổi công nghệ phát thanh Đài Phát thanh và Truyền hình HN GD 2016-2020		1		Nam Từ Liêm	2019 -2020		2606/QĐ-UBND 17/5/2019	98.554				20.000		Đài phát thanh và truyền hình HN	

Đơn vị: Triệu đồng.

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết 2015	Lũy kế bố trí vốn từ 2016 đến hết kế hoạch 2019		Kế hoạch vốn năm 2020	Công trình hoàn thành	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT		Tổng số	Trong đó kế hoạch vốn năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
VI	Lĩnh vực môi trường	1	2						18.116.491	849.086	2.185.290	491.708	225.000			
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	1	1						17.780.462	849.086	2.135.290	441.708	110.000			
1	Công trình trọng điểm 2016-2020: Khu LHXLCT Sóc Sơn giai đoạn II tại huyện Sóc Sơn, Hà Nội		1		Sóc Sơn	2012-2020	73,73ha	4910/QĐ-UBND 24/10/2011; 5633/QĐ-UBND 10/10/2016; 7785/VP-ĐT 03/10/2018; 3472/QĐ-UBND 28/6/2019	1.487.018	695.729	335.670	40.000	60.000		BQLDA ĐTXD công trình cấp nước, thoát nước và môi trường	
2	Công trình trọng điểm 2016-2020: Dự án Xây dựng hệ thống xử lý nước thải Yên Xá Thành phố Hà Nội	1			Thanh Trì	2013-2021	270.000m3/ ngày đêm	7051/QĐ-UBND 20/11/2013	16.293.444	153.357	1.799.620	401.708	50.000		BQLDA ĐTXD công trình cấp nước, thoát nước và môi trường	
	Vốn ODA cấp phát								13.709.042		1.156.676	301.708				
	Vốn ODA vay lại															
	Vốn trong nước								2.584.402		449.855	100.000	50.000			
b	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2019		1						336.029		50.000	50.000	115.000			
1	Nạo vét bùn Hồ Tây		1		Tây Hồ	2018-2020		6022/QĐ-UBND 31/10/2018	336.029		50.000	50.000	115.000		BQLDA ĐTXD công trình cấp nước, thoát nước và môi trường	

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết 2015	Lũy kế bổ tri vốn từ 2016 đến hết kế hoạch 2019		Kế hoạch vốn năm 2020	Công trình hoàn thành	Chủ đầu tư	Ghi chú
								Số, ngày QĐ	TMDT		Tổng số	Trong đó kế hoạch vốn năm 2019				
		A	B	C												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
c	Dự án khởi công mới năm 2020															
VII	Các lĩnh vực hoạt động kinh tế	6	84	66					101.638.353	5.989.454	26.119.625	7.923.519	9.464.061	86		
VII.1	Lĩnh vực hạ tầng giao thông	4	65	35					87.605.563	3.744.119	21.378.144	6.999.528	7.495.830	47		
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	2	9	1					57.585.924	3.729.423	13.607.897	3.666.283	2.681.661	2		
1	Dự án cải tạo, nâng cấp quốc lộ 1A đoạn Văn Điển - Ngọc Hồi (Km185 - 189)		1		Thanh Trì	2010-2020	3.814mx(39-56)m	3553/QĐ-UBND 19/7/2010; 6010/QĐ-UBND 28/8/2017; 1061/QĐ-UBND 16/8/2019	887.735	118.266	443.638	5.000	20.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
2	Xây dựng đường Văn Cao - Hồ Tây		1		Tây Hồ, Ba Đình	2007-2020	230x50m	417/QĐ-UBND 29/01/2007; 528/QĐ-UBND 29/01/2016; 5702/QĐ-UBND 23/10/2018; 4356/QĐ-UBND ngày 16/8/2019	777.430	451.583	178.900	20.000	5.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
3	Dự án đầu tư xây dựng đường gom cầu Giẽ - Phú Yên - Văn Từ (tuyến phía tây đường sắt)		1		Phú Xuyên	2013-2019	L=5,67km; B=12m	5064/QĐ-UBND ngày 31/10/2011; 1985/QĐ-UBND ngày 09/5/2018	261.820	44.569	67.000	5.000	10.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết 2015	Lũy kế bổ tri vốn từ 2016 đến hết kế hoạch 2019		Kế hoạch vốn năm 2020	Công trình hoàn thành	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT		Tổng số	Trong đó kế hoạch vốn năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
4	Xây dựng đường Liễu Giai- Núi Trúc (đoạn Vạn Bảo đến nút Núi Trúc), GD 2		I		Ba Đình	2009-2020	656,75m x3m	1096/QĐ-UB 02/3/2006; 2619/QĐ-UBND 08/5/2017; 1697/QĐ-UBND ngày 09/4/2019	300.529	45.236	170.000	51.389	20.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
5	Cổng hóa và xây dựng tuyến đường từ nút rẽ ra phố Núi Trúc đến phố Sơn Tây		I		Ba Đình	2009-2020	1040,16mx(25-30,5)m	2447/QĐ-UBND 26/6/2008; 5101/QĐ-UBND 7/11/2012; 6343/QĐ-UBND 18/11/2016; số 1696/QĐ-UBND ngày 09/4/2019	740.450	10.148	205.450	100.000	30.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
6	Cải tạo, nâng cấp đường Chi Đông-Kim Hoa, huyện Mê Linh		I		Mê Linh	2016-2020	L=3,5km; B=24m	2500/QĐ-UBND 19/8/2019	154.367		25.000	25.000	20.000		UBND huyện Mê Linh	
7	Công trình trọng điểm 2016-2020: Dự án Xây dựng tuyến đường sắt đô thị thí điểm TP Hà Nội, đoạn Nhôn - Ga Hà Nội	I			Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm, Cầu Giấy, Ba Đình, Đống Đa, Hoàn Kiếm	2008-2022	12,5km (trên cao 8,5km, đi ngầm 4km)	1970/QĐ-UBND 27/4/2009; 5456/QĐ-UBND 02/11/2010; 4007/QĐ-UBND 28/6/2013; và 2186/QĐ-TTg ngày 05/12/2014 của TTg phê điều chỉnh danh mục; QĐ số 1800/QĐ-UBND ngày 21/12/2018; QĐ số 4036/QĐ-UBND ngày 26/7/2019	32.910.000	2.256.028	11.485.738	3.274.448	2.444.811		Ban QLĐSBT Hà Nội	

Đơn vị: Triệu đồng.

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết 2015	Lũy kế bố trí vốn từ 2016 đến hết kế hoạch 2019		Kế hoạch vốn năm 2020	Công trình hoàn thành	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT		Tổng số	Trong đó kế hoạch vốn năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	Vốn ODA cấp phát								13.158.810		3.190.838	739.448				
	Vốn ODA vay lại								13.649.180		5.264.900	2.485.000	1.864.811			
	Vốn trong nước								6.102.010		3.030.000	50.000	580.000			
8	Dự án Tăng cường giao thông đô thị bền vững cho dự án Đường sắt đô thị số 3 Hà Nội	1			Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm, Cầu Giấy, Ba Đình, Đống Đa, Hoàn Kiếm	2014-2022	Cải tạo và XD hệ thống tiếp cận của 12 ga tuyến 3; XD 02 điểm trung chuyển; thí điểm sử dụng bus thân thiện MT	3921/QĐ-UBND 23/7/2014	1.296.900	7.000	54.550	28.000	21.850		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
	Vốn ODA cấp phát								813.934		33.500	18.000				
	Vốn ODA vay lại								355.366		14.000	9.000	14.850			
	Vốn trong nước								127.600		7.050	1.000	7.000			
9	Công trình trọng điểm: Dự án Tuyến đường sắt đô thị TPHN (tuyến 2) đoạn Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo	1			Từ Liêm, Tây Hồ, Cầu Giấy, Ba Đình, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng	2009-2022	11,5km (8,5km ngầm và 3km trên cao)	2054/QĐ-UBND 13/11/2008	19.555.000	541.603	700.621	78.446	50.000		Ban QLĐSDT Hà Nội	
	Vốn ODA cấp phát								10.860.000		428.839	38.446				
	Vốn ODA vay lại								5.625.000							
	Vốn trong nước								3.070.000		271.782	40.000	50.000			

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết 2015	Lũy kế bố trí vốn từ 2016 đến hết kế hoạch 2019		Kế hoạch vốn năm 2020	Công trình hoàn thành	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT		Tổng số	Trong đó kế hoạch vốn năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
10	Xây dựng 1/2 cầu Đền Lừ và tuyến đường 2,5 phía Bắc khu công nghiệp Vĩnh Tuy		1		Hoàng Mai	2013-2019	12 cầu, 30,2m x 18m, đường 462mx40m	4889/QĐ-UBND ngày 29/10/2012; 1513/QĐ-UBND ngày 28/3/2018	152.485	1.676	73.000		20.000		UBND quận Hoàng Mai	(Ngân sách Quận bố trí 50 tỷ đồng)
11	Cải tạo, nâng cấp tuyến phố Thanh Vĩ (tính lộ 414 đoạn qua nội thị, dài 3 Km), thị xã Sơn Tây		1		Sơn Tây	2011-2020	2,5km x35m	5253/QĐ-UBND 22/10/2010, 2996/QĐ-UBND ngày 06/6/2019	330.559	76.388	195.000	70.000	30.000		UBND thị xã Sơn Tây	
12	Xây dựng tuyến đường từ Trường Đại học Mỏ địa chất ra đường Phạm Văn Đồng			1	Bắc Từ Liêm	2006-2020	1934mx(30-40)m	2418/QĐ-UB 29/4/2005; 4229/QĐ-UBND 14/8/2014; 899/QĐ-UBND ngày 23/2/2016	218.649	176.926	9.000	9.000	10.000	1	UBND quận Bắc Từ Liêm	
b	Dự án chuyển tiếp năm 2016	1	5						4.471.771	9.704	3.428.466	293.964	183.869	4		
1	Công trình trọng điểm 2016-2020: Mở rộng đường Vành đai 3: đoạn Mai Dịch - Cầu Thăng Long	1			Cầu Giấy, Bắc Từ Liêm	2016-2019	5,5km, Bn=56-60m	103/QĐ-BGTVT ngày 14/01/2010; 3099/QĐ-UBND ngày 15/6/2016; 7240/QĐ-UBND 18/10/2017; số 892/QĐ-UBND 22/02/2019;	3.113.000	5.749	2.809.806	135.964	10.000	1		
-	Phần XL + chi khác do Ban Giao thông làm CĐT	1								5.749	749.730	50.000	10.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết 2015	Lũy kế bố trí vốn từ 2016 đến hết kế hoạch 2019		Kế hoạch vốn năm 2020	Công trình hoàn thành	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT		Tổng số	Trong đó kế hoạch vốn năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
-	Phần GPMB do UBND quận Cầu Giấy làm CĐT										193.216	3.104			UBND quận Cầu Giấy	
-	Phần GPMB do UBND quận Bắc Từ Liêm làm CĐT										1.866.860	82.860			UBND quận Bắc Từ Liêm	
2	Công trình trọng điểm: Xây dựng cầu vượt tại nút giao An Dương - đường Thanh Niên để hạn chế ùn tắc giao thông, quận Ba Đình và quận Tây Hồ		1		Ba Đình, Tây Hồ	2017-2020	Lc= 271m; B= 10m ; Đê BTCT L=1100m; Phần bs: L=3,7Km	3665/QĐ-UBND 19/6/2017; 3376/QĐ-UBND 24/6/2019	815.864		290.000	90.000	100.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
3	Hỗ trợ chủ đầu tư quản lý dự án tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội, đoạn Nhón - Ga Hà Nội		1		Hà Nội	2016-2022	Hỗ trợ CĐT trong công tác quản lý dự án	5141/QĐ-UBND 9/10/2015; QĐ số 843/UBND-QĐ ngày 19/2/2019	136.921		62.000	32.000	21.869		Ban QLĐSĐT Hà Nội	
	Vốn ODA cấp phát															
	Vốn ODA vay lại								121.800		62.000	32.000	21.869			
	Vốn trong nước								15.120							
4	Xây dựng mở rộng tuyến đường Lương Định Của ra đường Trường Chinh		1		Đống Đa	2018-2019	B=13,5m; L=364,84m	2248/QĐ-UB 15/4/2004 5781/QĐ-UBND 13/12/2011; 7612/QĐ-UBND 31/10/2017	120.501		76.950	5.000	31.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	

Đơn vị: Triệu đồng.

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết 2015	Lũy kế bố trí vốn từ 2016 đến hết kế hoạch 2019		Kế hoạch vốn năm 2020	Công trình hoàn thành	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT		Tổng số	Trong đó kế hoạch vốn năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
5	Xây dựng tuyến đường nối từ Trường Đại học Mỏ - Địa chất vào khu công nghiệp Nam Thăng Long		1		Bắc Từ Liêm	2016-2019	L=1.004,4m; Bn=30m; Bm=15m	460/QĐ-UBND ngày 26/01/2011; số 5719/QĐ-UBND ngày 13/10/2016; số 3499/QĐ-UBND ngày 09/7/2018; số 3978/QĐ-UBND ngày 24/7/2019	196.313	2.398	140.000	21.000	16.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
6	Dự án xây dựng nâng cấp mở rộng đường nhánh nối QL1A với đường cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ, đoạn qua KCN hỗ trợ Nam Hà Nội		1		Phú Xuyên	2015-2019	L=685m; B=44-45m	3084/QĐ-UBND ngày 02/7/2015; số 972/VP-ĐT ngày 05/02/2018	89.172	1.557	49.710	10.000	5.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
c	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2019	1	42	8					22.319.520	4.992	4.341.781	3.039.281	3.947.500	21		
1	Công trình trọng điểm 2016-2020: Xây dựng đường vành đai 3,5: Đoạn từ Đại lộ Thăng Long đến QL32		1		Hoài Đức				1.436.782		1.055.000	154.000	50.000		UBND huyện Hoài Đức	
-	Các đoạn Km1+700 - Km2+050; Km2+550 - Km3+340					2016-2019	1,14kmx60m	5795/QĐ-UBND 30/10/2015; 6611/QĐ-UBND 30/11/2016	379.572	200	255.000	54.000				

32

Đơn vị: Triệu đồng.

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết 2015	Lũy kế bổ tri vốn từ 2016 đến hết kế hoạch 2019		Kế hoạch vốn năm 2020	Công trình hoàn thành	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT		Tổng số	Trong đó kế hoạch vốn năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
-	Xây dựng đường vành đai 3,5 (Các đoạn Km0+600-Km1+700; Km2+050-Km2+550; Km3+340-Km5+500).					2017-2019	3,76kmx60m	7586/QĐ-UBND 31/10/2017	1.057.210		800.000	100.000	50.000			
2	Nâng cấp, cải tạo QL 21B, đoạn qua thị trấn Kim Bài (Km 10+350 -Km 13+200) kết hợp xây dựng quảng trường, công viên cây xanh, huyện Thanh Oai		1		Thanh Oai	2016-2020	3,8Kmx24m	7275/QĐ-UBND 20/10/2016	265.831		200.000	80.000	25.000	1	UBND huyện Thanh Oai	
3	Xây dựng hoàn thiện nút giao Chùa Bộc - Thái Hà theo quy hoạch tại góc 1/4 nút giao từ Học viện Ngân hàng đến cổng trường Đại học Công đoàn		1		Đống Đa	2015-2019	Hoàn thiện 1/4 nút giao theo quy hoạch	5572/QĐ-UBND 28/10/2014; 8006/QĐ-UBND 17/11/2017	535.712	93	17.000	2.000	20.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
4	Xây dựng đoạn tuyến đường nối từ cầu Mỗ Lao, quận Hà Đông đến đường 70, quận Nam Từ Liêm		1		Hà Đông; Nam Từ Liêm	2017-2020	L=3.079m; B=40+73m	2307/QĐ-UBND 17/4/2017; 1878/QĐ-UBND ngày 18/4/2019	436.735		109.000	5.000	20.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
5	Cải tạo nâng cấp đường 35 đoạn giữa tuyến (Km 4+ 469,12 đến Km 12 +733,55)		1		Sóc Sơn	2015-2019	L= 8.264m, B = 12,0m	5570/QĐ-UBND 28/10/2014	197.204	1.924	118.500	16.000	50.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lấy kế giải ngân đến hết 2015	Lũy kế bố trí vốn từ 2016 đến hết kế hoạch 2019		Kế hoạch vốn năm 2020	Công trình hoàn thành	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT		Tổng số	Trong đó kế hoạch vốn năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
6	Công trình trọng điểm 2016-2020: Dự án xây dựng cầu vượt nút giao giữa đường Hoàng Quốc Việt - đường Nguyễn Văn Huyền và hoàn thiện đường Nguyễn Văn Huyền theo quy hoạch		1		Cầu Giấy	2018-2019	Lc=418,28m; 05 nhịp (45+3x60+45) m; B=16m	3974/QĐ-UBND ngày 03/8/2018	560.282		260.000	260.000	180.000	1	Ban QLDA ĐT XD CTGT Thành phố Hà Nội	
7	Công trình trọng điểm 2016-2020: Xây dựng đường Vành đai 1, đoạn Hoàng Cầu - Voi Phục, thành phố Hà Nội, giai đoạn 1	1			Đống Đa, Ba Đình	2018-2020	2.270mx50m; 02 cầu vượt	5757/QĐ-UBND 25/10/2018	7.210.958	2.032	123.662	113.662	1.500.000		BQLDA ĐT XD công trình dân dụng và công nghiệp	
8	Dự án trọng điểm: Đầu tư xây dựng hầm chui tại nút giao giữa đường vành đai 2,5 với đường Giải Phóng (QL1A cũ), quận Hoàng Mai		1		Hoàng Mai	2019-2020	Lhầm= 520m (140m hầm kin; 2x190m hầm hở); Bhk =22,6m; Bhh=23,6m	5804/QĐ-UBND 26/10/2018	671.653		3.000	3.000	40.000		Ban QLDA ĐT XD CTGT Thành phố Hà Nội	
9	Hoàn thiện các tuyến đường xung quanh khu đất dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện và Trung tâm thương mại tại phường Dương Nội, quận Hà Đông		1		Hà Đông, Nam Từ Liêm	2018-2020	L=1,8Km, B=27m-40m	3691/QĐ-UBND 20/7/2018	219.485		154.000	69.000	20.000	1	UBND quận Hà Đông	
10	Xây dựng đường Huỳnh Thúc Kháng kéo dài, phường Láng Thượng, quận Đống Đa		1		Đống Đa	2018-2020	L=1,3Km, B=28,3-30,0m	3213/QĐ-UBND 26/6/2018	342.624		100.000	70.000	70.000		UBND quận Đống Đa	
11	Xây dựng tuyến đường nối khu công nghiệp Bắc Thường Tín với đường tỉnh 427		1		Thường Tín	2018-2020	L=3433m; Bn=(12-17)m; Bm=11m	2338/QĐ-UBND 16/5/2018	186.173		55.000	50.000	40.000		Ban QLDA ĐT XD CTGT Thành phố Hà Nội	

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lấy kế giải ngân đến hết 2015	Lấy kế bố trí vốn từ 2016 đến hết kế hoạch 2019		Kế hoạch vốn năm 2020	Công trình hoàn thành	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT		Tổng số	Trong đó kế hoạch vốn năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
12	Xây dựng tuyến đường vào trường Đại học ngoại ngữ		1		Nam Từ Liêm	2011-2014	17mx358m	193/QĐ-UBND 12/01/2011	69.689		1.000	1.000	2.000		UBND quận Nam Từ Liêm	
13	Xây dựng tuyến đường nối từ đường 35 đến đường Bắc Thăng Long - Nội Bài (đường Võ Văn Kiệt), giai đoạn 1		1		Mê Linh	2014-2018	3,45kmx24m	6528/QĐ-UBND 30/10/2013	89.152		60.000	60.000	20.000	1	UBND huyện Mê Linh	
14	Mở rộng đường Phan Kế Bính theo quy hoạch			1	Ba Đình	2018-2019	L=285m; B=30m	5208/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	72.891		5.000	5.000	5.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
15	Đầu tư xây dựng công trình cầu Bến Cốc			1	Chương Mỹ	2018-2019	Ltc=143,4m; 03 nhịp (40+59+40)m B= 10m	5641/QĐ-UBND ngày 22/10/2018	61.960		20.000	20.000	20.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
16	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh lộ 417 đoạn từ Km8+100 đến Km 16+600, huyện Phúc Thọ		1		Phúc Thọ	2019-2020	9kmx12m	5250/QĐ-UBND 02/10/2018	159.661		40.000	40.000	50.000		UBND huyện Phúc Thọ	
17	Xây dựng tuyến đường từ đường Hoàng Tăng Bí đến phố Viên, quận Bắc Từ Liêm		1		Bắc Từ Liêm	2019-2020	L=1.265m, B=25m	5978/QĐ-UBND 31/10/2018	210.985		50.000	50.000	70.000	1	UBND quận Bắc Từ Liêm	NSTP 120 tỷ đồng, phần còn lại NS Quận
18	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ ngã tư Nguyên Khê nối với đường bệnh viện Đông Anh đi đền Sái tại ngã ba Kim, huyện Đông Anh		1		Đông Anh	2018-2020	L=3,2Km, B=17,5m;- 40m	5359/QĐ-UBND 08/10/2018	382.047		90.000	90.000	60.000		UBND huyện Đông Anh	

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết 2015	Lũy kế bố trí vốn từ 2016 đến hết kế hoạch 2019		Kế hoạch vốn năm 2020	Công trình hoàn thành	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT		Tổng số	Trong đó kế hoạch vốn năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
19	Dầu tư xây dựng tuyến đường Vành đai 3 di thấp qua hồ Linh Đàm và nhánh kết nối với đường Vành đai 3		1		Hoàng Mai	2018-2019	02 cầu; - Bên trái: Lc =263,67m; B=13m; - Bên phải: Lc =285,7m; B=13m; - 2 nhánh kết nối: L=559,29m; B=7m	5594/QĐ-UBND 18/10/2018	341.671		103.619	103.619	90.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
20	Xây dựng đường Phương Mai - Sông Lũ		1		Đống Đa	2018-2020	L=325,92m; B=17,25m (Bm=10,5m, Bnh=2x3,375m)	1966/QĐ-UBND 4/5/2010; 4080/QĐ-UBND 09/8/2018	225.792	943	1.000	1.000	10.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
21	Xây dựng tuyến đường từ Trung tâm hành chính huyện Mê Linh đến Trung tâm Văn hóa Thể thao huyện Mê Linh (giai đoạn I)		1		Mê Linh	2014-2017	L=1,55Km; B=48m	936/QĐ-UBND 08/02/2013	155.012		50.000	50.000	70.000	1	UBND huyện Mê Linh	
22	Xây dựng đoạn tuyến đường từ nút Bộ Tư lệnh Thông tin trên đường Cát Linh - La Thành đến đường Tôn Đức Thắng (thuộc tuyến đường ga Hà Nội - Tôn Đức Thắng - Hào Nam - phố Núi Trúc)		1		Đống Đa	2018-2020	L=600m Bn =25m	4888/QĐ-UBND 21/10/2011	189.840		1.000	1.000	10.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết 2015	Lũy kế bố trí vốn từ 2016 đến hết kế hoạch 2019		Kế hoạch vốn năm 2020	Công trình hoàn thành	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT		Tổng số	Trong đó kế hoạch vốn năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
23	Dự án cải tạo, chỉnh trang đoạn đường Quốc lộ 1A (đoạn Km207+250 - Km208) và hạ tầng khu trung tâm hành chính huyện Phú Xuyên		1		Phú Xuyên	2019-2020	QL1A: L=750m, B=30m; chỉnh trang đường vào huyện ủy và UBND huyện: L=50m, B=(6,5-20)m, xây công huyện	5482/QĐ-UBND 12/10/2018	156.156		20.000	20.000	45.000		UBND huyện Phú Xuyên	
24	Dự án xây dựng đường nối QL32 - nghĩa trang Yên Kỳ - hồ Suối Hai (giai đoạn 1), huyện Ba Vì		1		Ba Vì	2018-2020	L=2.000m; B=33m	8546/QĐ-UBND 08/12/2017	165.604			70.000	27.000		UBND huyện Ba Vì	
25	Dự án cải tạo, nâng cấp đường tỉnh Tân Lĩnh - Yên Bái đoạn từ Km2+400 đến Km10+500 (nối từ Đại lộ Thăng Long kéo dài đến tỉnh lộ 414)		1		Ba Vì	2018-2020	L= 8.100m, Bn=12m, Bm=11m Cầu Suối Bơ	5672/QĐ-UBND 23/10/2018; số 5979/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	206.103		60.000	60.000	40.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
26	Nâng cấp, cải tạo tuyến tỉnh lộ 418 đoạn Km0-Km3, thị xã Sơn Tây			1	Sơn Tây	2018-2020	L=3,0Km, B=9m	6009/QĐ-UBND 31/10/2018	76.688		30.000	30.000	40.000	1	UBND thị xã Sơn Tây	
27	Cải tạo, nâng cấp tuyến tỉnh lộ 429 đoạn từ cầu Ba Thả đến đường Hồ Chí Minh, huyện Mỹ Đức		1		Mỹ Đức	2018-2020	L=7,4Km, Bn=12m	5900/QĐ-UBND 30/10/2018	186.601		50.000	50.000	80.000		UBND huyện Mỹ Đức	

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết 2015	Lũy kế bố trí vốn từ 2016 đến hết kế hoạch 2019		Kế hoạch vốn năm 2020	Công trình hoàn thành	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT		Tổng số	Trong đó kế hoạch vốn năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
28	Cải tạo nâng cấp tuyến đường 179 đoạn từ Dốc Lờ đến ngã tư đường 181, huyện Gia Lâm		1		Gia Lâm	2019-2020	L=2,310m, B=23m	9007/QĐ-UBND 29/10/2018	132.326		50.000	50.000	60.000	1	UBND huyện Gia Lâm	
29	Xây dựng tuyến đường từ khu đô thị Trâu Quỳ qua đường Dương Xá - Đông Du đến ga Phú Thị		1		Gia Lâm	2019-2020	- Chiều dài tuyến 1600 m. B= 30m	9011/QĐ-UBND 31/10/2018	198.138		90.000	90.000	70.000	1	UBND huyện Gia Lâm	
30	Xây dựng đường đê tả Đuống theo quy hoạch đoạn từ cầu Đuống đến cầu Phù Đổng		1		Gia Lâm	2019-2020	L=5.440m; Đường mặt đê Bmđ=7m; Đường gom B=13.5m	9008/QĐ-UBND 31/10/2018	511.247		120.000	120.000	60.000		UBND huyện Gia Lâm	
31	Xây dựng tuyến đường quy hoạch 24,5m từ đê sông Đuống đến đường Dốc Lã - Ninh Hiệp		1		Gia Lâm	2019-2020	Xây dựng tuyến đường L=2.160m với mặt cắt ngang B=24,5-25m	9012/QĐ-UBND 31/10/2018	348.927		50.000	50.000	80.000		UBND huyện Gia Lâm	
32	Xây dựng tuyến đường quy hoạch từ đường 179 đến đường gom cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, huyện Gia Lâm		1		Gia Lâm	2019-2020	- Chiều dài tuyến đường L=1.100m; B=30m (Bmđ=4x3,5m; Bhè=2x8m)	9014/QĐ-UBND 31/10/2018	90.632		40.000	40.000	33.000	1	UBND huyện Gia Lâm	

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết 2015	Lũy kế bố trí vốn từ 2016 đến hết kế hoạch 2019		Kế hoạch vốn năm 2020	Công trình hoàn thành	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT		Tổng số	Trong đó kế hoạch vốn năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
33	Dự án xây dựng đường trục chính Bắc - Nam Khu đô thị Quốc Oai kéo dài đoạn từ Km4+340,24 đến Km7+315		1		Quốc Oai	2018-2020	L=3,09km; B=42m	5622/QĐ-UBND 19/10/2018	487.687		300.000	300.000	60.000		UBND huyện Quốc Oai	
34	Cải tạo, chỉnh trang đường tỉnh lộ 427, đoạn từ QL21 B - đường trục phía Nam - Quốc lộ 1A, trên địa bàn huyện Thanh Oai		1		Thanh Oai	2018-2020	L=6,45Km, B=12m	5746/QĐ-UBND 25/10/2018	121.496		50.000	50.000	55.000	1	UBND huyện Thanh Oai	
35	Cải tạo, chỉnh trang đường tỉnh lộ 427 đoạn từ QL21 B đến nút giao Khê Hôi (đường cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ) trên địa bàn huyện Thường Tín		1		Thường Tín	2018-2020	L=2,65Km, B=22,5--38m	5951/QĐ-UBND 31/10/2018	155.088		70.000	70.000	20.000		UBND huyện Thường Tín	
36	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 419 trên địa bàn huyện Chương Mỹ		1		Chương Mỹ	2018-2020	L=8,5Km, B=12m	6001/QĐ-UBND 31/10/2018	343.160		50.000	50.000	80.000		UBND huyện Chương Mỹ	
37	Dự án Cải tạo, mở rộng đường Đỗ Xuân Hợp và cống hóa thành mương kín tuyến mương Nguyễn Cơ Thạch đến hết đường Đỗ Xuân Hợp		1		Nam Từ Liêm	2019-2021	L=1,1 km; B=30m	878/QĐ-UBND ngày 08/3/2019	413.126		93.000	93.000	60.000	1	UBND quận Nam Từ Liêm	
38	Dự án Cống hóa thành mương kín để làm đường giao thông tuyến mương Đồng Bông		1		Nam Từ Liêm	2019-2021	L=995m;	879/QĐ-UBND ngày 08/3/2019	222.357		70.000	70.000	18.000	1	UBND quận Nam Từ Liêm	

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết 2015	Lũy kế bố trí vốn từ 2016 đến hết kế hoạch 2019		Kế hoạch vốn năm 2020	Công trình hoàn thành	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT		Tổng số	Trong đó kế hoạch vốn năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
39	Mở rộng Quốc lộ 1A đoạn Km189 đến Km194 qua địa bàn huyện Thường Tín.		1		Thường Tín	2019-2020	L=5Km, 1/2 mặt cắt: B=13m:- 20,5m	1503/QĐ-UBND ngày 29/3/2019	247.268		70.000	70.000	140.000	1	UBND huyện Thường Tín	
40	Xây dựng đường nối khu đô thị vệ tinh với đường Võ Nguyên Giáp, huyện Sóc Sơn		1		Sóc Sơn	2019-2021	L=3,65km; B=40-50m	1383/QĐ-UBND ngày 26/3/2019	658.935		60.000	60.000	70.000		UBND huyện Sóc Sơn	
41	Cải tạo mở rộng ngõ 381 đường Nguyễn Khang (từ phố Thành Thái đến phố Nguyễn Khang), quận Cầu Giấy		1		Cầu Giấy	2019-2020	340mx 21,5m	1657/QĐ-UBND 08/4/2019	314.968		10.000	10.000	70.000		UBND quận Cầu Giấy	
42	Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 428 từ Km0 đến Km6+585 (tỉnh lộ 75 cũ) đoạn từ Quốc lộ 21B thị trấn Vân Đình đến cầu Quảng Tái xã Trung Tú, huyện Ứng Hòa		1		Ứng Hòa	2019-2021	L=6,553Km, Bn =21m:- 24m	3540/QĐ-UBND 03/7/2019	218.500		97.000	97.000	105.000	1	UBND huyện Ứng Hòa	

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết 2015	Lũy kế bố trí vốn từ 2016 đến hết kế hoạch 2019		Kế hoạch vốn năm 2020	Công trình hoàn thành	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT		Tổng số	Trong đó kế hoạch vốn năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
43	Xây dựng hoàn chỉnh theo quy hoạch nút giao đường Vành đai 3 với đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải phòng		1		Long Biên; Gia Lâm	2019-2021	- Hướng HN-HP: L=1.485,74m; B=33m - Hướng VĐ3: L=620m; B=26,5m; 02 cầu vượt (Lc=82,1m; 2 nhịp 35m; Bc=12,5m)	3213/QĐ-UBND 14/6/2019	402.160		92.000	92.000	80.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
44	Xây dựng hầm chui Lê Văn Lương - Vành đai 3.		1		Thanh Xuân; Nam Từ Liêm	2019-2020	Hầm chui trực thông; L=475m; Hầm kín L=95m; BxH=18,7mx7,34m	3297/QĐ-UBND 20/6/2019	698.158		2.000	2.000	50.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
45	Xây dựng một phần tuyến đường 70 (đoạn từ cầu Ngà đến hết ranh giới dự án Làng giáo dục Quốc Tế) và đường bao quanh Làng giáo dục Quốc Tế		1		Nam Từ Liêm	2010-2021	L=3.410,4m; B=13-27m	3102/QĐ-UBND 29/6/2011; 3282/QĐ-UBND 19/6/2019	270.177		47.000	47.000	40.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
46	Đầu tư xây dựng công trình cầu Vân Từ			1	Phú Xuyên	2018-2019	L=95,1m; B=9m	5638/QĐ-UBND ngày 22/10/2018	35.169		10.000	10.000	20.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết 2015	Lũy kế bố trí vốn từ 2016 đến hết kế hoạch 2019		Kế hoạch vốn năm 2020	Công trình hoàn thành	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT		Tổng số	Trong đó kế hoạch vốn năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
47	Xây dựng công trình cầu Phó Hồng, huyện Phú Xuyên			1	Phú Xuyên	2019-2020	L=18,1m, B=8m	5758/QĐ-UBND ngày 02/10/2018; 3202/QĐ-UBND ngày 13/6/2019	7.306		3.000	3.000	2.500	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
48	Xây dựng cầu Nội Cói			1	Phú Xuyên	2019-2020	L=109m, B=9m	5244/QĐ-UBND ngày 02/10/2018; 3204/QĐ-UBND ngày 13/6/2019	56.684		16.000	16.000	22.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
49	Xây dựng đường kết nối Đại lộ Thăng Long với đường gom tại Km25-Km26 huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội			1	Thạch Thất	2019-2020	- Nối lên L=92m; Bn=9,5m - Nối xuống L=105m; Bn=9,5m	3203/QĐ-UBND ngày 13/6/2019	9.671		4.000	4.000	3.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
50	Công trình trọng điểm 2016-2020: Xây dựng đường Tây Thăng Long (đoạn từ đường Phạm Văn Đồng đến đường Văn Tiến Dũng)		1		Bắc Từ Liêm	2017-2021		5995/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 5901/QĐ-UBND ngày 23/10/2019	1.494.473		170.000	170.000	80.000		UBND quận Bắc Từ Liêm	
51	Dầu tư xây dựng công trình cầu Ngọc Hà vượt sông Cà Lồ, huyện Sóc Sơn			1	Sóc Sơn	2019-2020	L=220,9m; B=9,5m; 09nhíp24m	2936/QĐ-UBND 04/6/2019	68.575		1.000	1.000	15.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
d	Dự án khởi công mới năm 2020		9	26					3.228.348				682.800	20		
1	Dự án xây dựng cầu Nông Lâm			1	Quốc Oai	2019 + 2021	L=40m, B=10m	6077/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	20.446				18.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	

24

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết 2015	Lũy kế bỏ trí vốn từ 2016 đến hết kế hoạch 2019		Kế hoạch vốn năm 2020	Công trình hoàn thành	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT		Tổng số	Trong đó kế hoạch vốn năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
2	Dự án xây dựng cầu Yên Hòa			1	Đống Đa; Cầu Giấy	2019 + 2021	L=41,4m; Bc=21,25m	6081/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	37.759				15.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
3	Dự án xây dựng cầu Trí Thủy			1	Chương Mỹ	2019 + 2021	Ltc=190,26m; Lc=70,2m, B=8m	6082/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	27.536				15.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
4	Dự án xây dựng cầu Tiền			1	Mê Linh	2019 + 2020	L=20,1m, B=9m	6073/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	8.157				6.500	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
5	Dự án xây dựng cầu 76			1	Quốc Oai	2019 + 2020	L=24m, B=8m	6080/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	8.239				6.500	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
6	Dự án xây dựng cầu Ngọc Than			1	Quốc Oai	2019 + 2020	L=17,56m, B=12m	6078/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	9.138				7.600	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
7	Dự án xây dựng cầu Thanh Liệt			1	Thanh Trì	2019 + 2020	L=27,5m, B=13,0m	6086/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	13.900				10.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
8	Dự án xây dựng cầu Nam Hồng			1	Phú Xuyên	2019 + 2020	L=20,5m, B=8m	6079/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	6.921				5.500	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	

Đơn vị: Triệu đồng.

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết 2015	Lũy kế bố trí vốn từ 2016 đến hết kế hoạch 2019		Kế hoạch vốn năm 2020	Công trình hoàn thành	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT		Tổng số	Trong đó kế hoạch vốn năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
9	Dự án xây dựng cầu Địa Muối			1	Thanh Oai	2019 + 2020	L=32,1m, B=9m	6087/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	11.753				9.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
10	Xây dựng cầu Cộng, thị xã Sơn Tây			1	Sơn Tây	2019-2022	L=56m; B=15,5m	5954/QĐ-UBND 28/10/2019	71.002				21.000		UBND thị xã Sơn Tây	
11	Dự án xây dựng cầu Cao Thiên			1	Thạch Thất	2019 + 2021	L=99,76m, B=9m	6075/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	58.741				17.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
12	Xây dựng cầu Cương Kiên, quận Nam Từ Liêm		1		Quận Nam Từ Liêm	2019 + 2022	Cầu: L=70,3m, B=30m; đường đầu cầu	6076/QĐ-UBND 31/10/2019	175.780				35.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
13	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu vượt cho người đi bộ qua đường Nguyễn Khánh Toàn, quận Cầu Giấy			1	Cầu Giấy	2019-2020	L=21m, B=3,4m	6085/QĐ-UBND 31/10/2019	2.421				1.700	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
14	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu vượt cho người đi bộ qua đường Nguyễn Chí Thanh, quận Đống Đa			1	Đống Đa	2019-2020	L=47,4m, B=3,4m	6051/QĐ-UBND 31/10/2019	4.619				3.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
15	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu vượt cho người đi bộ qua đường Thanh Nhân, quận Hai Bà Trưng			1	Hai Bà Trưng	2019-2020	L=22,9m, B=2,4m	6051/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	2.310				1.600	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
16	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu vượt cho người đi bộ qua đường Mễ Trì (gần toàn nhà EVN Nam Từ Liêm), quận Nam Từ Liêm			1	Nam Từ Liêm	2019-2020	L=41,4m, B=3,4m	6085/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	5.144				3.500	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết 2015	Lũy kế bố trí vốn từ 2016 đến hết kế hoạch 2019		Kế hoạch vốn năm 2020	Công trình hoàn thành	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT		Tổng số	Trong đó kế hoạch vốn năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
17	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu vượt cho người đi bộ qua đường Quốc lộ 21B, quận Hà Đông			1	Hà Đông	2019-2020	L=25,9m, B=2,4m	6122/QĐ-UBND 31/10/2019	2.831				2.000	1	Ban QLDA ĐT XD CTGT Thành phố Hà Nội	
18	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu vượt cho người đi bộ qua đường Trần Quốc Hoàn, quận Cầu Giấy			1	Cầu Giấy	2019-2020	L=20,6m, B=3,4m	6088/QĐ-UBND 31/10/2019	2.289				1.600	1	Ban QLDA ĐT XD CTGT Thành phố Hà Nội	
19	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu vượt cho người đi bộ qua đường Phúc La - Văn Phú, quận Hà Đông			1	Hà Đông	2019-2020	L=42,4m; B=3,4m	6074/QĐ-UBND 31/10/2019	4.976				3.500	1	Ban QLDA ĐT XD CTGT Thành phố Hà Nội	
20	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu vượt cho người đi bộ qua đường gần nút giao Nguyễn Hữu Thọ - Linh Đường, quận Hoàng Mai			1	Hoàng Mai	2019-2020	L=20m, B=2,4m	6083/QĐ-UBND 31/10/2019	2.089				1.500	1	Ban QLDA ĐT XD CTGT Thành phố Hà Nội	
21	Dự án xây dựng cầu sông Lừ			1	Đống Đa	2019 ÷ 2020	L=15,5m, B=17,25m	6126/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	13.142				8.500	1	Ban QLDA ĐT XD CTGT Thành phố Hà Nội	
22	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu vượt cho người đi bộ qua đường Trần Khát Chân, quận Hai Bà Trưng			1	Hai Bà Trưng	2020	L=52,4m; B=3,4m	5541/QĐ-UBND ngày 7/10/2019	6.228				5.000	1	Ban QLDA ĐT XD CTGT Thành phố Hà Nội	
23	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu vượt cho người đi bộ qua đường Cổ Linh, quận Long Biên			1	Long Biên	2020	L=36,1m, B=3,7m	5551/QĐ-UBND ngày 7/10/2019	4.824				4.000	1	Ban QLDA ĐT XD CTGT Thành phố Hà Nội	

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết 2015	Lũy kế bố trí vốn từ 2016 đến hết kế hoạch 2019		Kế hoạch vốn năm 2020	Công trình hoàn thành	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT		Tổng số	Trong đó kế hoạch vốn năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
21	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu vượt cho người đi bộ qua đường Xuân La, quận Tây Hồ			1	Tây Hồ	2020	L=22,5m; B=3,4m	5542/QĐ-UBND ngày 7/10/2019	2.420				2.000	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
22	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 420 đoạn từ Km0+00 đến Km7+428 (ngã ba Hòa Lạc - ngã ba thị trấn Liên Quan, huyện Thạch Thất		1		Thạch Thất	2019-2021	L=7,428Km; B = 24m	6058/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	385.014				70.000		UBND huyện Thạch Thất	
23	Đường vành đai Khu công nghiệp Bắc Phú Cát (nay là đường vành đai khu công nghệ cao Hòa Lạc), huyện Quốc Oai		1		Quốc Oai	2019-2021	L=3.535m; B=50m	6062/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	482.536				90.000		UBND huyện Quốc Oai	
24	Nâng cấp tuyến tỉnh lộ 428 từ Km6+585 - Km14+780 (tỉnh lộ 75 cũ) từ cầu Quảng Tái (xã Trung Tú) đến Cống Thán (xã Minh Đức), huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội		1		Ứng Hòa	2020-2021	L=8.195m, B=12m	6057/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	179.034				33.000		UBND huyện Ứng Hòa	
25	Nâng cấp, mở rộng quốc lộ 21B đoạn từ đầu đường tỉnh lộ 427 tới thị trấn Kim Bài, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội		1		Thanh Oai	2020-2022	L=2.610m; B=35m	6021/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	345.492				55.000		UBND huyện Thanh Oai	
26	Đường giao thông trục phát triển phía đông huyện Phú Xuyên (nối tỉnh lộ 428 đến tỉnh lộ 429), huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội			1	Phú Xuyên	2019-2021	L=3,5Km; Bn=9m	3539/QĐ-UBND ngày 03/7/2019	283.795				50.000		UBND huyện Phú Xuyên	

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết 2015	Lũy kế bố trí vốn từ 2016 đến hết kế hoạch 2019		Kế hoạch vốn năm 2020	Công trình hoàn thành	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT		Tổng số	Trong đó kế hoạch vốn năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
27	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 424 (tỉnh lộ 76 cũ) từ chợ bến - Hòa Bình đến khu du lịch Quan Sơn, huyện Mỹ Đức.		1		Mỹ Đức	2019-2020	L=1,8Km, Bn=21m	6065/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	87.227				19.000		UBND huyện Mỹ Đức	
28	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường tỉnh lộ 412 từ thị trấn Tây Đằng vào Khu du lịch hồ Suối Hai		1		Ba Vì	2019-2022	L=5,3Km, Bn=25m	6067/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	279.659				50.000		UBND huyện Ba Vì	
29	Xây dựng tuyến đường vào KCN sạch Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn		1		Sóc Sơn	2019-2020	L=4,53Km L1=2,7Km; B1=11,5m L2=1,830Km;	3954/QĐ-UBND ngày 23/7/2019	334.099				40.000		Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
30	Xây dựng hệ thống chiếu sáng đường tỉnh 428, 429 và trên đê Sông Hồng thuộc địa bàn huyện Phú Xuyên			1	Phú Xuyên	2019-2021	L=27Km	6107/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	38.361				12.000		UBND huyện Phú Xuyên	
31	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh lộ 429C đoạn từ cầu Bầu đến cầu Hậu Xá, huyện Ứng Hòa		1		Ứng Hòa	2019-2022	L=5,4Km, Bn=12-24m	6066/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	304.541				55.000		UBND huyện Ứng Hòa	
22	Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu vượt cho người đi bộ qua đường Võ Chí Công, quận Tây Hồ			1	Tây Hồ	2020	L=52,8m; B=3,4m	5540/QĐ-UBND ngày 7/10/2019	5.927				4.800	1	Ban QLDA ĐTXD CTGT Thành phố Hà Nội	
VII.2	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước		7						2.312.967		166.200	166.200	407.000	2		
a	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2019		4						1.415.658		166.200	166.200	237.000	2		
1	Xây dựng, nâng cấp trạm bơm Phương Trạch, huyện Đông Anh		1		Đông Anh	2018-2020	Trạm 1: 22,5m3/s; Trạm 2: 24m3/s	6000/QĐ-UBND 31/10/2018	959.185		5.000	5.000	80.000		BQLDA ĐTXD công trình cấp nước, thoát nước và môi trường	

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết 2015	Lũy kế bố trí vốn từ 2016 đến hết kế hoạch 2019		Kế hoạch vốn năm 2020	Công trình hoàn thành	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT		Tổng số	Trong đó kế hoạch vốn năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư xã Hồng Kỳ phục vụ di dân vùng ảnh hưởng môi trường của khu LHXLCT Sóc Sơn (vùng bán kính 500m từ hàng rào khu LHXLCT Sóc Sơn)		1		xã Hồng Kỳ, Sóc Sơn	2018-2019	7,58ha	8799/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; 2684/QĐ-UBND ngày 04/6/2019	89.756		50.000	50.000	30.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư xã Nam Sơn phục vụ di dân vùng ảnh hưởng môi trường của khu LHXLCT Sóc Sơn (vùng bán kính 500m từ hàng rào khu LHXLCT Sóc Sơn)		1		xã Nam Sơn, Sóc Sơn	2018-2019	9,2 ha	8800/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; 2683/QĐ-UBND ngày 04/6/2019	121.000		81.200	81.200	37.000	1	UBND huyện Sóc Sơn	
4	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư xã Bắc Sơn phục vụ di dân vùng ảnh hưởng môi trường của khu LHXLCT Sóc Sơn (vùng bán kính 500m từ hàng rào khu LHXLCT Sóc Sơn)		1		xã Bắc Sơn, Sóc Sơn	2018-2020	19,5 ha	9815/QĐ-UBND ngày 15/12/2017	245.717		30.000	30.000	90.000		UBND huyện Sóc Sơn	
<i>h</i>	<i>Dự án khởi công mới năm 2020</i>		3						897.309				170.000			

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết 2015	Lũy kế bố trí vốn từ 2016 đến hết kế hoạch 2019		Kế hoạch vốn năm 2020	Công trình hoàn thành	Chủ đầu tư	Ghi chú
								Số, ngày QĐ	TMDT		Tổng số	Trong đó kế hoạch vốn năm 2019				
		A	B	C												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Xây dựng hoàn chỉnh, khớp nối hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp vừa và nhỏ Phú Thị, khu công nghiệp Dương Xá A, huyện Gia Lâm		1		Gia Lâm	2019-2021	L=3,3Km, B=30-45m	5849/QĐ-UBND ngày 21/10/2019	252.973				50.000		UBND huyện Gia Lâm	
2	Xây dựng khu tái định cư trên địa bàn khu Đồng Giải, thôn Sơn Đông, xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ		1		Chương Mỹ	2019-2020	5,45ha	3529/QĐ-UBND ngày 02/7/2019	119.910				20.000		UBND huyện Chương Mỹ	
3	Xây dựng Khu di dân phục vụ GPMB khu tưởng niệm danh nhân Chu Văn An và các dự án đầu tư khác thuộc huyện Thanh Trì		1		Thanh Trì	2019-2021	10ha	4112/QĐ-UBND ngày 31/7/2019	524.426				100.000		UBND huyện Thanh Trì	
VII.3	Lĩnh vực đề điều		3	27					1.134.972		185.000	135.000	592.000	29		
a	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2019		3	1					655.619		185.000	135.000	161.000	3		
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đê tả Đáy kết hợp giao thông trên địa bàn huyện Hoài Đức		1		Hoài Đức	2018-2020	16.790m	7562/QĐ-UBND 31/10/2017	418.855		150.000	100.000	27.000	1	UBND huyện Hoài Đức	NSTP bố trí 60% TMDT
2	Cải tạo, nâng cấp mặt đê sông Nhuệ các đoạn từ Tân Minh đến Hiền Giang, từ UBND xã Hiền Giang đến cầu Đen xã Khánh Hà, từ lối rẽ chùa Đậu đến cầu Đồng Quan, huyện Thường Tín		1		Thường Tín	2019-2020	14.150m	5940/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	62.166		32.500	32.500	19.000	1	UBND huyện Thường Tín	

Đơn vị: Triệu đồng.

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết 2015	Lũy kế bố trí vốn từ 2016 đến hết kế hoạch 2019		Kế hoạch vốn năm 2020	Công trình hoàn thành	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT		Tổng số	Trong đó kế hoạch vốn năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
3	Nâng cấp toàn bộ mặt đê sông Nhuệ trên địa bàn huyện Phú Xuyên (gồm các đoạn: Bờ tả đoạn từ cầu Đồng Quan đến cầu Tân Dân, bờ hữu từ cầu Tân Dân đến cầu Công Thần và hai bờ sông Nhuệ từ cầu Công Thần đến cầu Thống Nhất và chống sạt lở bờ sông Vân Đình, xã Hồng Minh)		I		Phú Xuyên	2019-2021	KCH mặt đê 19.170m; kè 1.587m.	3294/QĐ-UBND 19/6/2019	118.320		2.500	2.500	80.000		Ban QLDA ĐTXD CT Nông nghiệp và PTNT	
4	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ hữu sông Hồng tại vị trí K24-K24+800 xã Đông Quang, huyện Ba Vì			1	Ba Vì	2018-2020	800m	8604/QĐ-UBND ngày 13/12/2017; 1614/QĐ-UBND ngày 12/7/2019	56.278				35.000	1	UBND huyện Ba Vì	Đã bố trí 17 tỷ đồng từ nguồn dự phòng NS năm 2017
b	Dự án khởi công mới năm 2020			26					479.353				431.000	26		
1	Xử lý cấp bách chống sạt lở đê bao qua địa bàn thôn Phú Hiền, xã Hợp Thanh, huyện Mỹ Đức			1	Mỹ Đức	2018-2019	131,1 m	351/QĐ-SNN ngày 19/3/2019	4.041				4.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	Thanh toán khối lượng hoàn thành.
2	Xử lý cấp bách sự cố cống cầu Dậm, huyện Mỹ Đức			1	Mỹ Đức	2018-2019	60m	1995/QĐ-SNN ngày 24/10/2019	3.157				3.000	1	UBND huyện Mỹ Đức	Thanh toán khối lượng hoàn thành.
3	Xử lý cấp bách chống sạt trượt mái đê thượng lưu, đê tả Đáy, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông			1	Hà Đông	2019-2020	240m	1573/QĐ-SNN ngày 26/8/2019	7.014				6.000	1	Sở Nông nghiệp và PTNT	

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết 2015	Lũy kế bố trí vốn từ 2016 đến hết kế hoạch 2019		Kế hoạch vốn năm 2020	Công trình hoàn thành	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT		Tổng số	Trong đó kế hoạch vốn năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
4	Xử lý cấp bách sự cố hư hỏng cống Nhà Trảng trên đê hữu Bùi, xã Hồng Phong, huyện Chương Mỹ			1	Chương Mỹ	2019-2020	154m	1760/QĐ-SNN ngày 24/9/2019	4.300				4.000	1	Sở Nông nghiệp và PTNT	
5	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ sông từ nhà thờ Đa Ngư đến đầu kè Mọc Xá thuộc bờ tả sông Đáy, thôn Đa Ngư, xã Cao Dương, huyện Thanh Oai			1	Thanh Oai	2019-2020	304m	1761/QĐ-SNN ngày 24/9/2019	14.886				13.000	1	Sở Nông nghiệp và PTNT	
6	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ sông tương ứng K2+200 đến K2+500 đê hữu Cà Lồ thuộc xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh			1	Đông Anh	2019-2020	297m	1762/QĐ-SNN ngày 24/9/2019	11.157				10.000	1	Sở Nông nghiệp và PTNT	
7	Xử lý cấp bách chống sạt lở đê bờ tả sông Vân Đình đoạn từ K1+020 đến K1+390 thuộc địa phận xã Hồng Minh, Phú Xuyên			1	Phú Xuyên	2019-2020	390m	1763/QĐ-SNN ngày 24/9/2019	14.378				13.000	1	Sở Nông nghiệp và PTNT	
8	Xử lý cấp bách chống sạt lở đê tả sông Nhuệ (K37+420 - K37+665) thôn Gia Khánh, xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín			1	Thường Tín	2019-2020	245m	1764/QĐ-SNN ngày 24/9/2019	11.000				10.000	1	Sở Nông nghiệp và PTNT	
9	Xử lý cấp bách sự cố mạch đùn, mạch sùi cống Cẩm Đình, huyện Phúc Thọ			1	Phúc Thọ	2019-2020	Chống thấm	1766/QĐ-SNN ngày 24/9/2019	42.000				38.000	1	Sở Nông nghiệp và PTNT	

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết 2015	Lũy kế bố trí vốn từ 2016 đến hết kế hoạch 2019		Kế hoạch vốn năm 2020	Công trình hoàn thành	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT		Tổng số	Trong đó kế hoạch vốn năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
10	Xử lý cấp bách hộ chân chống trượt cơ kè đoạn cuối kè Thanh Diêm (tương ứng K33+950 đến K34+200 trên tuyến đê sông Hồng), thuộc xã Tiến Thịnh, huyện Mê Linh			1	Mê Linh	2019-2020	150m	1765/QĐ-SNN ngày 24/9/2019	14.297				13.000	1	Sở Nông nghiệp và PTNT	
11	Xử lý cấp bách chống sạt lở kè Cổ Đô tương ứng từ K5+000 đến K5+850 đê hữu Hồng, huyện Ba Vì			1	Ba Vì	2019-2020	867m	1902/QĐ-SNN ngày 14/10/2019	29.250				26.000	1	UBND huyện Ba Vì	
12	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ sông tương ứng từ K8+650 đến K9+065 (điểm cuối tiếp giáp địa phận tỉnh Bắc Ninh) đê hữu Cà Lồ thuộc xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh			1	Đông Anh	2019-2020	414,7m	2055/QĐ-SNN ngày 30/10/2019	16.660				15.000	1	Sở Nông nghiệp và PTNT	
13	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở Bờ sông Bùi đoạn qua thôn Thượng và đoạn qua thôn Yên Cốc, xã Hồng Phong, huyện Chương Mỹ			1	Chương Mỹ	2019-2020	900m	1767/QĐ-SNN ngày 24/9/2019	33.341				30.000	1	Sở Nông nghiệp và PTNT	
14	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở đê bao Thuần Lương, đê bao thôn Hòa Bình, xã Hoàng Văn Thụ, huyện Chương Mỹ			1	Chương Mỹ	2019-2020	2.086m	1768/QĐ-SNN ngày 24/9/2019	29.353				26.000	1	Sở Nông nghiệp và PTNT	
15	Xử lý cấp bách sửa chữa Đập Vai Đan xã Phú Cát			1	Quốc Oai	2019-2020	Đập đất: 446m; Kè và đường: 857m	1805/QĐ-SNN ngày 27/9/2019	23.845				21.000	1	UBND huyện Quốc Oai	

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết 2015	Lũy kế bố trí vốn từ 2016 đến hết kế hoạch 2019		Kế hoạch vốn năm 2020	Công trình hoàn thành	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT		Tổng số	Trong đó kế hoạch vốn năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
16	Xử lý cấp bách sự cố sập Cổng qua đê Đồng Ao, xã Đông Yên			1	Quốc Oai	2019-2020	60m	1955/QĐ-SNN ngày 21/10/2019	2.522				2.000	1	UBND huyện Quốc Oai	
17	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở Đê bồi Tuyết Nghĩa: từ thôn Muôn đến cầu Phú Cát; tuyến đê bồi Minh Khai đi thôn Muôn thuộc xã Tuyết Nghĩa, Cần Hữu			1	Quốc Oai	2019-2020	2.066m	2025/QĐ-SNN ngày 28/10/2019	20.275				18.000	1	UBND huyện Quốc Oai	
18	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở Đê Đông Thượng, xã Đông Yên			1	Quốc Oai	2019-2020	1.498m	2027/QĐ-SNN ngày 28/10/2019	12.595				11.000	1	UBND huyện Quốc Oai	
19	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở đê hữu Tích đoạn đê Khoang Ổng, Đồng Mạ, xã Hòa Thạch huyện Quốc Oai			1	Quốc Oai	2019-2020	1.200m	2033/QĐ-SNN ngày 28/10/2019	21.303				20.000	1	UBND huyện Quốc Oai	
20	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở Đê bao đồng Giáp xã Cần Hữu			1	Quốc Oai	2019-2020	1.021m	2046/QĐ-SNN ngày 29/10/2019	4.443				4.000	1	UBND huyện Quốc Oai	
21	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở đê bao Liệp Mai và đê hữu Tích, xã Ngọc Liệp, huyện Quốc Oai			1	Quốc Oai	2019-2020	1.375m	2048/QĐ-SNN ngày 29/10/2019	16.860				16.000	1	UBND huyện Quốc Oai	
22	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở Đê bao xã Trần Phú			1	Chương Mỹ	2019-2020	2.600m	2036/QĐ-SNN ngày 29/10/2019	11.392				10.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
23	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở Đê hữu Bùi đoạn từ Tiến Tiên đi Yên Trình			1	Chương Mỹ	2019-2020	520m	2047/QĐ-SNN ngày 29/10/2019	11.896				11.000	1	UBND huyện Chương Mỹ	

Đơn vị: Triệu đồng.

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết 2015	Lũy kế bố trí vốn từ 2016 đến hết kế hoạch 2019		Kế hoạch vốn năm 2020	Công trình hoàn thành	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT		Tổng số	Trong đó kế hoạch vốn năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
24	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở đê hữu Bùn II đoạn qua 3 xã Hoàng Văn Thụ, Tân Tiến, Nam Phương Tiến			1	Chương Mỹ	2019-2020	1.714m	2102/QĐ-SNN ngày 31/10/2019	33.600				30.000	1	Sở Nông nghiệp và PTNT	
25	Xử lý cấp bách sự cố sạt lở Đê Đồng Sở, Đê Mỹ Thượng xã Hữu Văn, huyện Chương Mỹ			1	Chương Mỹ	2019-2020	2.000m	2104/QĐ-SNN ngày 31/10/2019	31.583				28.000	1	Sở Nông nghiệp và PTNT	
26	Nạo vét các đoạn bồi lắng cục bộ, các lợi hà trên sông Bùn			1	Chương Mỹ	2019-2020	4.527m	2103/QĐ-SNN ngày 31/10/2019	54.205				49.000	1	Sở Nông nghiệp và PTNT	
VII.4	Lĩnh vực thủy lợi	2	9	4					10.584.851	2.245.335	4.390.281	622.791	969.231	8		
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	2							8.976.617	2.171.382	3.826.581	316.291	585.231			
1	Công trình trọng điểm 2016-2020: Tiếp nước cải tạo khôi phục sông Tích từ Lương Phú xã Thuận Mỹ, huyện Ba Vì	1			Ba Vì	2011-2020	Tưới 16000ha, khôi phục 27km lòng sông Tích	4927/QĐ-UBND 06/10/2010; 1054/QĐ-UBND 04/3/2016; 1801/QĐ-SNN 18/10/2017; 2340/QĐ-SNN 28/11/2017	4.253.765	1.875.036	1.518.331	266.291	225.231		Sở Nông nghiệp và PTNT	
2	Công trình trọng điểm 2016-2020: Cải thiện hệ thống tiêu nước khu vực phía Tây thành phố Hà Nội (trạm bơm tiêu Yên Nghĩa)	1			Hà Đông	2015-2020	Tiêu 6300ha	1834/QĐ-UBND 23/02/2013; 743/QĐ-UBND 13/2/2019	4.722.852	296.346	2.308.250	50.000	360.000		Sở Nông nghiệp và PTNT	

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết 2015	Lũy kế bố trí vốn từ 2016 đến hết kế hoạch 2019		Kế hoạch vốn năm 2020	Công trình hoàn thành	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT		Tổng số	Trong đó kế hoạch vốn năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
b	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2019		7	2					1.137.499	73.953	563.700	306.500	265.000	7		
1	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tưới tiêu An Mỹ I, huyện Mỹ Đức			1	Mỹ Đức	2019-2021	Tiêu 1.212ha, Tưới 150ha	3313/QĐ-UBND 20/6/2019	74.260		1.500	1.500	45.000		Ban QLDA ĐTXD CT Nông nghiệp và PTNT	
2	Xây dựng trạm bơm tưới Thụy Phú II, huyện Phú Xuyên		1		Phú Xuyên	2013-2020	Tưới 4.668ha	4837/QĐ-UBND ngày 24/10/2012; 5478/QĐ-UBND ngày 02/10/2019	133.358	1.700	117.200		12.000	1	Ban QLDA ĐTXD CT Nông nghiệp và PTNT	
3	Cải tạo nâng cấp hệ thống trạm bơm tiêu Phù Đồng, huyện Gia Lâm		1		Gia Lâm	2018-2020	Tiêu 690ha	5569/QĐ-UBND 28/10/2014	107.539	1.478	65.000	35.000	14.000	1	Ban QLDA ĐTXD CT Nông nghiệp và PTNT	
4	Kiên cố kênh tiêu chính Thập Cừ trạm bơm Hạ Dục, huyện Chương Mỹ		1		Chương Mỹ	2016-2020	Tiêu 4.264ha	3315/QĐ-UBND 13/7/2011; 6618/QĐ-UBND 31/10/2013; 2282/QĐ-UBND ngày 28/4/2014	130.145	2.922	90.000	60.000	17.000	1	Ban QLDA ĐTXD CT Nông nghiệp và PTNT	
5	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Thanh Diêm, kiên cố hóa bờ kênh trục chính Thanh Diêm kết hợp làm đường giao thông		1		Mê Linh	2014-2020	Tưới 6.500ha	6527/QĐ-UBND 30/10/2013; 5587/QĐ-UBND 18/10/2018	195.556	2.600	100.000	70.000	30.000		Ban QLDA ĐTXD CT Nông nghiệp và PTNT	
6	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tưới, tiêu trạm bơm Phương Nhị, huyện Thanh Oai		1		Thanh Oai	2015-2020	Tiêu 1.470ha, tưới 596ha	5662/QĐ-UBND 12/9/2013, 5586/QĐ-UBND 18/10/2018	165.079	2.500	100.000	50.000	16.000	1	Ban QLDA ĐTXD CT Nông nghiệp và PTNT	

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết 2015	Lũy kế bổ trí vốn từ 2016 đến hết kế hoạch 2019		Kế hoạch vốn năm 2020	Công trình hoàn thành	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT		Tổng số	Trong đó kế hoạch vốn năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
7	Nâng cấp hệ thống tiêu Bình Phú, huyện Thạch Thất		1		Thạch Thất	2010-2020	Tiêu 1.390ha	109/QĐ-UBND 11/01/2010; 4397/QĐ-UBND 08/9/2010; 3293/QĐ-UBND ngày 19/6/2019	161.715	60.732	30.000	30.000	60.000	1	Ban QLDA ĐTXD CT Nông nghiệp và PTNT	
8	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Cao Xuân Dương, huyện Thanh Oai			1	Thanh Oai	2016-2020	Tiêu 761ha	7061/QĐ-UBND 20/11/2013; 442/QĐ-UBND ngày 21/01/2019	76.156	1.300	30.000	30.000	25.000	1	Ban QLDA ĐTXD CT Nông nghiệp và PTNT	
9	Xây dựng mới trạm bơm trạm bơm tiêu Lại Thượng thay thế nhiệm vụ trạm bơm tiêu Lại Thượng 1, 2 huyện Thạch Thất		1		Thạch Thất	2019-2020	Tiêu 675ha	6616/QĐ-UBND 31/10/2013; 1620/QĐ-UBND ngày 03/4/2019	93.691	721	30.000	30.000	46.000	1	Ban QLDA ĐTXD CT Nông nghiệp và PTNT	
c	Dự án khởi công mới năm 2020		2	2					470.735				119.000	1		
1	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tưới trạm bơm Đông Sơn, huyện Chương Mỹ		1		Chương Mỹ	2019-2021	Tiêu 200ha; Tưới 1.980ha	6055/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	144.675				28.000		Ban QLDA ĐTXD CT Nông nghiệp và PTNT	
2	Nâng cấp, cải tạo trạm bơm tiêu Đại Áng, huyện Thanh Trì (giai đoạn 1)			1	Thanh Trì	2019-2021	Tiêu 530ha	6050/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	43.698				14.000		Ban QLDA ĐTXD CT Nông nghiệp và PTNT	

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết 2015	Lũy kế bố trí vốn từ 2016 đến hết kế hoạch 2019		Kế hoạch vốn năm 2020	Công trình hoàn thành	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT		Tổng số	Trong đó kế hoạch vốn năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
3	Xây dựng mới trạm bơm và hoàn chỉnh hệ thống tiêu Yên Sơn, huyện Quốc Oai (Trạm bơm tiêu Yên Sơn)		1		Quốc Oai	2019-2022	Tiêu 1490ha	6129/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	246.942				45.000		Ban QLDA ĐTXD CT Nông nghiệp và PTNT	
4	Lắp đặt khẩn cấp trạm bơm dã chiến Quang Lăng, huyện Phú Xuyên			1	Phú Xuyên	2019-2020		2057/QĐ-SNN ngày 30/10/2019	35.420				32.000	1	Công ty TNHH MTV ĐTPT thủy lợi Sông Nhuệ	
VIII	Lĩnh vực hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	1	3						2.740.475	220.573	1.616.462	492.000	175.000	2		
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	1							1.022.571	220.573	763.462	192.000	15.000	1		
1	Công trình trọng điểm 2016-2020: Trung tâm giáo dục công nghệ thường xuyên Hà Nội - Khu liên cơ Võ Chí Công	1			Tây Hồ	2013-2020	48.569m2 sàn	4941/QĐ-UBND ngày 30/10/2012; 1571/QĐ-UBND ngày 02/4/2018	1.022.571	220.573	763.462	192.000	15.000	1	BQLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp	
b	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2019		3						1.717.904		853.000	300.000	160.000	1		
1	Xây dựng trụ sở cơ quan Thành ủy Hà Nội		1		Hoàn Kiếm	2017-2019	DT sàn XD: 31.063m2	261/HĐND-KTNS 18/7/2016 5453/QĐ-UBND 09/8/2017	687.668		623.000	70.000	30.000	1	BQLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp	
2	Xây dựng trụ sở làm việc Quận ủy - HĐND - UBND quận Bắc Từ Liêm		1		Bắc Từ Liêm	2017-2020	DTXD: 5.536m2, 01 tầng hầm, 04 tầng nổi, 01 tầng mái	5876/QĐ-UBND 30/10/2018	370.878		150.000	150.000	50.000		UBND quận Bắc Từ Liêm	

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết 2015	Lũy kế bố trí vốn từ 2016 đến hết kế hoạch 2019		Kế hoạch vốn năm 2020	Công trình hoàn thành	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT		Tổng số	Trong đó kế hoạch vốn năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
3	Khu liên cơ quan Vân Hồ		1		Q. Hai Bà Trưng	2018-2020	6 tầng; S=3.613m2	1547/QĐ-UBND ngày 01/4/2019	659.358		80.000	80.000	80.000		BQLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp	
IX	Lĩnh vực khác	1	6	2					3.029.200	205.934	874.500	160.000	339.000	3		
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015	1	1						1.546.301	205.934	724.500	10.000	50.000	1		
1	Xây dựng Trung tâm đào tạo cán bộ quản lý năng lượng Hà Nội		1		Thạch Thất	2013-2019	17000m2	1871/QĐ-UBND 27/02/2013; 1138/QĐ-UBND, 12/03/2019	143.867	40.434	88.000		20.000	1	Sở Công Thương	
2	Xây dựng tổng thể hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai của thành phố Hà Nội	1			Hà Nội	2015-2020	101.356 ha; 81.442 thửa	6264/QĐ-UBND 27/11/2014	1.402.434	165.500	636.500	10.000	30.000		Sở Tài nguyên và Môi trường	
b	Dự án chuyển tiếp từ năm 2017-2019		2						637.353		150.000	150.000	92.000			
1	Cải tạo, nâng cấp để chuyển đổi nghĩa trang Văn Điển		1		Thanh Trì	2014-2018	195,482m2	6436/QĐ-UBND 25/10/2013; 5463/QĐ-UBND 23/10/2014	336.262	1.900	80.000	80.000	22.000		Ban Phục vụ Lễ tang Hà Nội	
2	Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội		1		Hoàng Mai	2018-2020	10815m2 sân	6019/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	301.091		70.000	70.000	70.000		BQLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp	
c	Dự án khởi công mới năm 2020		3	2					845.546				197.000	2		

28

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Cấp dự án			Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực Thiết kế	Quyết định đầu tư		Lũy kế giải ngân đến hết 2015	Lũy kế bổ trí vốn từ 2016 đến hết kế hoạch 2019		Kế hoạch vốn năm 2020	Công trình hoàn thành	Chủ đầu tư	Ghi chú
		A	B	C				Số, ngày QĐ	TMDT		Tổng số	Trong đó kế hoạch vốn năm 2019				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì		1		Thanh Trì	2019-2020	DTXD: 1.819m2.	6115/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	47.547				14.000		BQLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp	
2	Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội			1	Ba Vì	2018-2020	DTXD: 1.348,9m2	6116/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	18.444				15.000	1	BQLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp	
3	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông		1		Hà Đông	2019-2020	DTXD: 1.680m2	6113/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	49.219				16.000		BQLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp	
4	Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm			1	Bắc Từ Liêm	2018-2020	DTXD: 2.440m2; 01 khối nhà 03 tầng và các hạng mục khác	6114/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	19.237				17.000	1	BQLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp	
5	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội		1		Hoàng Mai	2019-2021	DTXD: 4.182m2; khối nhà 06 tầng nổi và 01 tầng hầm	6111/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	711.099				135.000		BQLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp	